

Capacity to Organize and Manage Online Teaching of some Higher Education Institutions

Khuong Nhu Nguyen^{ID}, Thuy Thanh Nguyen^{ID}, Tuan Van Nguyen*^{ID}
University of Technology and Education Ho Chi Minh City, Vietnam

*Corresponding author. Email: tuannv@hcmute.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: 03/01/2024
Revised: 19/02/2024
Accepted: 11/03/2024
Published: 28/10/2024

KEYWORDS

Online teaching;
Organize and manage online teaching;
Capacity to organize online teaching;
Capacity to manage online teaching;
Higher education institution.

ABSTRACT

Online teaching is a form of teaching developed in the late 1990s with Internet and hypertext technology. Online teaching applications are centrally located on the education service provider's web server and can be accessed by learners [1]. Online teaching has been widely applied in educational institutions, especially higher education in developed countries. In Vietnam, it has been widely deployed recently. There have been a number of research projects on the management of online teaching in higher education institutions such as that of Tran Thi Lan Thu [2], and research on the organization of online teaching for teachers, but there has been no research topic Evaluation of the capacity to organize and manage online teaching of higher education institutions. This article clarifies the theoretical basis for the capacity to organize and manage online teaching of higher education institutions, thereby assessing the current situation of the capacity to organize and manage online teaching through a number of popular higher education institutions through survey methods using questionnaires and interviews with teachers and administrators. Research results have shown some limitations in the capacity to organize and manage online teaching of higher education institutions.

Năng Lực Tổ Chức và Quản Lý Dạy Học Qua Mạng của một số Cơ Sở Giáo Dục Đại Học

Nguyễn Như Khương^{ID}, Nguyễn Thanh Thủy^{ID}, Nguyễn Văn Tuấn*^{ID}
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt nam

*Tác giả liên hệ. Email: tuannv@hcmute.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 03/01/2024
Ngày hoàn thiện: 19/02/2024
Ngày chấp nhận đăng: 11/03/2024
Ngày đăng: 28/10/2024

TỪ KHÓA

Dạy học qua mạng;
Tổ chức, quản lý dạy học qua mạng;
Năng lực tổ chức dạy học qua mạng;
Năng lực quản lý dạy học qua mạng;
Cơ sở giáo dục đại học.

TÓM TẮT

Dạy học qua mạng (DHQM) là một hình thức dạy học được phát triển vào cuối những năm 1990 với công nghệ Internet và siêu văn bản. Các ứng dụng DHQM được đặt tập trung trên máy chủ web của nhà cung cấp dịch vụ giáo dục và người học có thể truy cập [1]. DHQM đã được ứng dụng rộng rãi ở các cơ sở giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học ở các nước phát triển. Ở Việt nam được triển khai rộng trong thời gian gần đây. Đã có một số công trình nghiên cứu về quản lý DHQM của cơ sở giáo dục đại học như của Trần Thị Lan Thu [2], và nghiên cứu về tổ chức dạy học qua mạng của giáo viên nhưng chưa có đề tài nghiên cứu đánh giá về năng lực tổ chức và quản lý DHQM của các cơ sở giáo dục đại học. Bài viết này làm rõ cơ sở lý luận về năng lực tổ chức, quản lý DHQM của cơ sở giáo dục đại học từ đó đánh giá thực trạng về năng lực tổ chức, quản lý DHQM của một số cơ sở giáo dục đại học thông qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn giáo viên và cán bộ quản lý. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số hạn chế về năng lực tổ chức, quản lý DHQM của các cơ sở giáo dục đại học.

Doi: <https://doi.org/10.54644/jte.2024.1516>

Copyright © JTE. This is an open access article distributed under the terms and conditions of the [Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/) which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium for non-commercial purpose, provided the original work is properly cited.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Đạy học qua mạng hay dạy và học trực tuyến được áp dụng ở hầu hết các trường đại học trên thế giới với nhiều mức độ khác nhau, từ việc ứng dụng máy tính hỗ trợ cho đào tạo, tới việc sử dụng dạy học qua mạng như một phần của quá trình đào tạo hay hiện nay được áp dụng hoàn toàn cho cả quá trình dạy học, mà người học có thể học mọi lúc, mọi nơi không cần đến lớp học như dạy học truyền thống. DHQM đã giúp cho việc trao đổi thông tin, truyền đạt tri thức, việc tổ chức lớp học linh hoạt, sử dụng các thành tựu công nghệ thông tin (CNTT).

Để đảm bảo chất lượng dạy học qua mạng, cơ sở giáo dục nói chung, trường đại học nói riêng cần phải có năng lực tổ chức, quản lý dạy học qua mạng hợp lý. Trước sự bùng nổ dạy học qua mạng, đặc biệt trong thời gian dịch COVID-19 chưa có công trình nghiên cứu một cách toàn diện về năng lực tổ chức và quản lý dạy học qua mạng của cơ sở giáo dục đại học, phần lớn chỉ tập trung năng lực tổ chức dạy học qua mạng của giảng viên như trong [3], [4] hoặc quản lý dạy học trực tuyến của cơ sở giáo dục đại học [2]. Tuy nhiên, sau thời gian dịch COVID-19 việc tổ chức DHQM được tiếp tục triển khai thực hiện. Song việc tổ chức và quản lý dạy học qua mạng giữa các cơ sở giáo dục đại học có sự khác nhau và cũng chưa có đề tài nào nghiên cứu về năng lực tổ hợp về tổ chức và quản lý dạy học qua mạng của cơ sở giáo dục đại học được nghiên cứu toàn diện.

Nghiên cứu này là một phần của dự án CT 2022.06.SPK.03 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tài trợ nhằm xây dựng cơ sở lý luận và phân tích thực trạng về năng lực tổ chức, quản lý dạy học qua mạng của các cơ sở giáo dục đại học. Kết quả nghiên cứu là cơ sở xác định các biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức, quản lý DHQM của các cơ sở giáo dục đại học, đáp ứng nhu cầu học tập của người học, phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ dạy học.

2. Cơ sở lý luận về năng lực tổ chức, quản lý dạy học qua mạng

2.1. Khái niệm năng lực tổ chức, quản lý dạy học qua mạng

Tổ chức là một khái niệm có thể được hiểu theo nghĩa là một danh từ và nghĩa của một động từ [5]. Trong bài viết này được hiểu theo nghĩa là một động từ, là sự sắp xếp các chi tiết thành một tổng thể có cấu trúc hoặc chuẩn bị cho một sự kiện hoặc hoạt động.

Theo Tạ Ngọc Hải, năng lực tổ chức là khả năng, điều kiện để tổ chức đạt được mục tiêu, yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức. Năng lực tổ chức là tổng hòa của các kỹ năng, khả năng, và chuyên môn (expertise) của tổ chức. Chúng hình thành nên đặc trưng (identity) và tính cách riêng (personality) của từng tổ chức [6].

Theo Uricht, Lake [7] và Bleicher [8], năng lực tổ chức là khả năng quản lý con người của một tổ chức để đạt được mục tiêu của tổ chức.

Năng lực tổ chức được xem xét trên hai phương diện là năng lực của tổ chức (trường đại học) và năng lực của các thành viên trong tổ chức đó (giảng viên, kỹ thuật viên, nhân viên...).

Trong bài viết này năng lực tổ chức dạy học qua mạng của cơ sở giáo dục đại học được xem xét là năng lực của cán bộ quản lý sắp xếp các nguồn lực và nhân lực, thiết lập môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện hoạt động DHQM.

Quản lý là quá trình gây tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm làm cho tổ chức vận hành đạt được mục đích tổ chức [9].

Quản lý DHQM là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý lên các đối tượng quản lý thông qua việc vận dụng các chức năng và phương tiện quản lý để nhằm đáp ứng các điều kiện đảm bảo cho các hoạt động DHQM.

Tổ chức dạy học qua mạng và quản lý dạy học qua mạng là hai hoạt động riêng biệt có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong tổ chức có quản lý và ngược lại. Trong bài viết này năng lực quản lý dạy học qua mạng được hiểu là năng lực của cán bộ quản lý gồm năng lực hoạch định kế hoạch, tổ chức chỉ đạo thực hiện, kiểm tra kết quả thực hiện việc sắp xếp các nguồn lực, nhân lực, thiết lập môi trường và điều kiện cho việc DHQM.

2.2. Cơ sở lý thuyết về tổ chức và quản lý dạy học qua mạng của cơ sở giáo dục đại học

2.2.1. Điều kiện tổ chức dạy học qua mạng

Để tổ chức DHQM đảm bảo chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo đã ban hành Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 quy định việc ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng đối với các đại học, học viện, trường đại học. Thông tư đã qui định về điều kiện đối với các trường đại học khi tổ chức triển khai đào tạo qua mạng. Các yêu cầu bao gồm [10]:

- Hạ tầng công nghệ công tin cho tổ chức và quản lý DHQM bao gồm: Công thông tin điện tử DHQM, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet, hệ thống phần mềm quản lý học tập (LMS – Learning Management System), hệ thống quản trị nội dung học tập (LCMS – Learning Content Management System)
- Hệ thống học liệu phục vụ dạy-học;
- Đội ngũ giảng viên;
- Đội ngũ nhân lực hỗ trợ đảm bảo triển khai hoạt động DHQM

2.2.2. Năng lực tổ chức và quản lý dạy học qua mạng

Theo Wolfgang năng lực tổ chức và quản lý là những thuộc tính tâm lý cá nhân nhằm đáp ứng yêu cầu của việc giải quyết những nhiệm vụ, chức năng của các hoạt động quản lý trong tổ chức như lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát (được đo lường dựa trên các mục tiêu của tổ chức). Năng lực quản lý là khả năng thiết lập các mục tiêu có ý nghĩa, lập kế hoạch hành động phù hợp nhất, đưa ra các quyết định có trách nhiệm và kiểm soát việc thực hiện hiệu quả thành kết quả [11]. Căn cứ theo các chức năng quản lý, năng lực quản lý DHQM trong đề tài này gồm các năng lực sau đây:

- Năng lực lập kế hoạch là việc xác định các mục tiêu và phương pháp thực hiện tốt nhất để đạt được mục tiêu đó trong một khoảng thời gian nhất định.
- Năng lực tổ chức tổ chức thực hiện kế hoạch;
- Năng lực chỉ đạo hoạt động DHQM tức là việc chủ thể quản lý dùng các biện pháp tác động đến đối tượng quản lý để đạt được mục tiêu. Cụ thể chỉ đạo thông qua việc xây dựng quy chế đào tạo qua mạng; tổ chức dự giờ; chỉ đạo xây dựng học liệu cho dạy học qua mạng; chỉ đạo việc đảm bảo cơ sở vật chất đảm bảo hoạt động DHQM; chỉ đạo đảm bảo chất lượng dạy học qua mạng...
- Năng lực kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện hoạt động của đối tượng quản lý là đánh giá và điều chỉnh nhằm đảm bảo các hoạt động đạt tới mục của tổ chức đã đề ra.

Bảng 1. Ma trận các năng lực tổ chức và quản lý dạy học qua mạng (biên tập lại theo [2])

TT	Các năng lực tổ chức DHQM	Các năng lực tổ chức và quản lý DHQM theo các chức năng quản lý			
		Năng lực lập kế hoạch	Năng lực tổ chức thực hiện	Năng lực chỉ đạo thực hiện	Năng lực kiểm tra, giám sát
1	Hệ thống học liệu số	- Biên soạn, cập nhật, phát triển và sử dụng	- Biên soạn, cập nhật, phát triển và sử dụng	- Biên soạn, cập nhật, phát triển và sử dụng	Biên soạn, cập nhật, phát triển và sử dụng
2	Đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ DHQM	-Tập huấn - Tuyển dụng, tập huấn phù hợp với nhu cầu đào tạo	- Tập huấn - Tuyển dụng, tập huấn	- Công tác tập huấn - Chỉ đạo công tác tuyển dụng	- Công tác tập huấn đội ngũ giảng viên - Công tác tuyển dụng, tập huấn
3	Hệ thống văn bản qui định liên quan đến tổ chức DHQM	- Xây dựng mới/ cập nhật hệ thống các văn bản - qui định	- Xây dựng mới/ cập nhật hệ thống các văn bản, qui định yêu cầu thực tiễn	- Xây dựng, cập nhật hệ thống các văn bản, qui định	- Hiệu lực, hiệu quả hệ thống các văn bản, qui định

4	Quá trình dạy và học qua mạng	Kế hoạch giảng dạy và học tập qua mạng	DHQM thực hiện theo kế hoạch và CTĐT	Công tác DHQM đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo	- Quá trình và đánh giá hiệu quả các hoạt động DHQM
5	Đánh giá kết quả học tập và lấy thông tin phản hồi của sinh viên	- Kế hoạch các hoạt động kiểm tra-đánh giá được xây dựng định kỳ - Kế hoạch thu thập và xử lý thông tin về chất lượng DHQM	- Tổ chức quá trình kiểm tra-đánh giá kết quả học tập theo kế hoạch và yêu cầu của CTĐT - Triển khai việc thu thập và xử lý thông tin về chất lượng DHQM	- Chỉ đạo hoạt động kiểm tra- đánh giá kết quả học tập của sinh viên - Chỉ đạo hoạt động thu nhận và xử lý thông tin về chất lượng DHQM	- Giám sát quá trình kiểm tra-đánh giá kết quả học tập của sinh viên - Đánh giá hiệu quả công tác thu nhận và xử lý thông tin về chất lượng DHQM

3. Phương pháp nghiên cứu, đối tượng, địa bàn và thời gian khảo sát

Với mục tiêu khảo sát là tìm hiểu thực trạng năng lực tổ chức và quản lý dạy học qua mạng của các cơ sở giáo dục đại học, đối tượng khảo sát được chọn ngẫu nhiên với 34 cán bộ quản lý cấp quản lý bộ môn trở lên (CBQL) và 128 giảng viên (GV) của 14 cơ sở giáo dục đại học trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương (xem bảng 2). Số mẫu được xác định theo công thức $n=t^2 * s^2 / e^2$ với độ tin cậy 95%, sai số 9%. Bài viết không đánh giá và so sánh năng lực tổ chức và quản lý dạy học qua mạng của các cơ sở đại học mà chỉ đánh giá chung nên đối tượng khảo sát được xác định ngẫu nhiên với số lượng không đồng đều giữa các trường đại học được khảo sát.

Bảng 2. Số mẫu khảo sát giảng viên

TT	Tên trường	Giảng viên	Cán bộ quản lý
		Tần số	Tần số
1	Trường Đại học Thủ Dầu Một	22	6
2	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	35	16
3	Trường Đại học KHxHNV-ĐHQG Tp. HCM	10	4
4	Trường Đại học Sư phạm Tp. HCM	22	3
5	Trường Đại học CNTT-ĐHQG Tp. HCM	5	5
6	Trường Đại học Công nghệ TP. HCM	5	
7	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	4	
8	Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQG Tp. HCM	13	
9	Trường Đại học Tài chính - Marketing	3	
10	Trường Đại học Hoa sen	2	
11	Trường Đại học Quốc tế - ĐHQG Tp. HCM	2	
Tổng		128	34

Khảo sát CBQL và GV bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, được thực hiện qua google form và kết hợp gửi trực tiếp bằng giấy; Phương pháp phỏng vấn được sử dụng để lấy thông tin từ một số cán bộ quản lý. Thời gian khảo sát được thực hiện từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023.

Bộ công cụ khảo sát gồm 2 phần không kể thông tin về nhà trường; (1) Khảo sát thực trạng tổ chức dạy học qua mạng của nhà trường; (2) Khảo sát thực trạng quản lý nội dung tổ chức DHQM của nhà trường. Phiếu khảo sát cán bộ quản lý gồm 18 câu và phiếu khảo sát giảng viên gồm 19 câu.

Về việc xử lý thống kê đối với thang đo likert 5 mức độ:

Quy ước cho điểm mỗi mức độ khảo sát như sau:

a) Các mức độ kém, yếu, trung bình, khá, tốt:

- Cho các biến về tổ chức dạy học qua mạng: tổ chức hạ tầng công nghệ thông tin DHQM, tổ chức hệ thống học liệu DHQM, sự đáp ứng của đội ngũ GV, chuyên viên hỗ trợ DHQM, năng lực tổ chức DHQM trên LMS của chính họ.
- Cho các biến về quản lý DHQM qua mạng: mức độ thực hiện quản lý hạ tầng DHQM, quản lý hệ thống tài nguyên, quản lý hệ thống các văn bản qui định về tổ chức DHQM, quản lý hoạt động DHQM

b) Các mức độ đồng ý về một số ý kiến: hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, phân vân, đồng ý, hoàn toàn đồng ý cho các biến về năng lực tổ chức DHQM của nhà trường và của chính GV.

c) Các mức độ cần thiết về tập huấn bồi dưỡng một số năng lực cụ thể: không cần thiết, ít cần thiết, phân vân, cần thiết, rất cần thiết.

d) Các mức độ đáp ứng: hoàn toàn không đáp ứng, không đáp ứng, đáp ứng một phần, đáp ứng, hoàn toàn đáp ứng

Sau khi thu phiếu, sử dụng phần mềm Excel và SPSS 20.0 để xử lý số liệu. Điểm được tính để suy ra các mức độ của các ý kiến đó:

- Từ 1,0 đến <1,8 là mức độ kém, hoàn toàn không đồng ý, không cần thiết, hoàn toàn không đáp ứng.
- Từ 1,8 đến <2,6 là mức độ yếu, ít cần thiết, không đồng ý, ít cần thiết, không đáp ứng.
- Từ 2,6 đến <3,4 là mức độ trung bình, phân vân, phân vân, đáp ứng một phần.
- Từ 3,4 đến <4,2 là mức độ khá, cần thiết, đồng ý, đáp ứng.
- Từ 4,2 đến 5,0 là mức độ tốt, rất cần thiết, hoàn toàn đồng ý, hoàn toàn đáp ứng.

4. Kết quả đánh giá và bàn luận

4.1. Năng lực tổ chức dạy học qua mạng của cơ sở giáo dục đại học

Theo ý kiến của GV các cơ sở giáo dục đại học, hiện nay tất cả các trường đã tổ chức dạy học qua mạng với hình thức kết hợp đồng bộ với không đồng bộ hoặc không đồng bộ (xem bảng 3.). Trong đó kết hợp đồng bộ với không đồng bộ chiếm phần lớn với khoảng 70%.

Bảng 3. Mức độ triển khai các phương thức dạy học qua mạng

Hình thức tổ chức dạy học	Phần trăm (%)	
	Đánh giá của CBQL	Đánh giá của GV
1 DHQM không đồng bộ (tự học 100% trên LMS)	0	0
2 DHQM đồng bộ (đồng thời qua Zoom, Microsoft Teams, Meet...)	29,4	31,2
3 DHQM kết hợp không đồng bộ với đồng bộ (LMS với các nền tảng trực tuyến Zoom, Microsoft Teams, Meet...)	70,6	68,8
4 Chưa DHQM	0	0
Tổng		100,0

Nguyên nhân GV chỉ dạy học với hình thức đồng bộ do một số trường chưa có công nghệ thông tin dạy học qua mạng hoặc nhà trường không yêu cầu phải kết hợp. Đối với DHQM kết hợp không đồng bộ với đồng bộ (LMS với các nền tảng trực tuyến Zoom, Microsoft Teams, Meet...), GV sử dụng hệ thống LMS để cài đặt học liệu, các bài tập, phân nhóm để hỗ trợ sinh viên tự học. Qua phỏng vấn một số GV, họ đều cho rằng các bài dạy cài đặt trên LMS đều là các bài đã và sẽ dạy học theo hình thức trực tuyến đồng bộ hoặc trực tiếp. Như vậy hình thức không đồng bộ thực chất là để sinh viên xem lại nội dung bài học trên lớp là chính chứ chưa phải là để học sinh viên tự học, tự thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Qua phân tích trang web của các cơ sở giáo dục đại học trong danh sách các trường khảo sát, nhóm nghiên cứu nhận thấy gần như hầu hết đều có công nghệ thông tin dạy học qua mạng và hệ thống quản lý học

tập (LMS). Về vấn đề này đều được GV và CBQL đánh giá ở mức khá với mức độ tập trung xung quanh điểm trung bình cao ở mức khá, trong đó có đến 22,7 % GV và 21,9% CBQL đánh giá ở mức trung bình và yếu. Đối với hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet của các cơ sở được GV đánh giá điểm trung bình ở mức khá 3,83 và CBQL là 4,18 (xem bảng 4.), trong đó tỉ lệ GV và CBQL đánh giá ở mức yếu và trung bình 33,6% và 2,9%. Như vậy phần lớn CBQL đều đánh giá hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet đề đánh giá là tốt, song ngược lại có đến 33,6% GV cho rằng hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet đánh giá ở mức yếu và trung bình.

Bảng 4. Đánh giá về sự đáp ứng của hạ tầng công nghệ dạy học qua mạng của các trường đại học

Các chỉ số	Cổng thông tin đào tạo qua mạng		Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet	
	GV	Cán bộ quản lý	GV	Cán bộ quản lý
Mean	4,04	4,09	3,83	4,18
Std. Deviation	,767	,963	,852	,716
Mức yếu và trung bình	22,7%	21,9%	33,6%	2,9%

Đánh giá của CBQL về khả năng đáp ứng của giảng viên dạy học qua mạng so với yêu cầu của nhà trường về số lượng; hiểu biết về công nghệ thông tin và internet; kỹ năng dạy học và làm việc trên môi trường mạng; nhiệt tình, tâm huyết, sáng tạo và thích ứng với công nghệ mới; sử dụng các công cụ trên hệ thống quản lý học tập để thiết kế bài dạy, quản lý nhóm; sử dụng nền tảng trực tuyến Zoom, Microsoft Teams, Meet với điểm trung bình cao từ 4,18 đến 4,59 với mức đánh giá từ trung bình trở lên cho đa số các nội dung đánh giá, đặc biệt đánh giá cao là sự nhiệt tình, tâm huyết, sáng tạo, thích ứng với công nghệ mới và sử dụng nền tảng trực tuyến Zoom, Microsoft Teams, Meet (xem bảng 5).

Bảng 5. Đánh giá của CBQL về sự đáp ứng của đội ngũ giảng viên DHQM với yêu cầu đào tạo của nhà trường

Các chỉ số	Số lượng	Hiểu biết cơ bản về CNTT và Internet	Phương pháp giảng dạy và kỹ năng làm việc trên môi trường CNTT	Sự nhiệt tình, tâm huyết, sáng tạo và thích ứng với công nghệ mới	Sử dụng các công cụ trên LMS để thiết kế bài dạy, quản lý nhóm	Sử dụng nền tảng trực tuyến Zoom, Meet...
Mean	4,38	4,35	4,32	4,53	4,18	4,59
Std. Deviation	,604	,597	,589	,706	,716	,609

Về khả năng đáp ứng của đội ngũ nhân lực hỗ trợ DHQM được CBQL và GV đánh giá ở mức khá các chỉ số, chỉ riêng khả năng đáp ứng về kỹ năng làm việc trên môi trường CNTT và DHQM đạt mức tốt (xem bảng 6.).

Bảng 6. CBQL và GV đánh giá về sự đáp ứng của đội ngũ nhân lực hỗ trợ DHQM của trường

Các chỉ số	Số lượng, cơ cấu		Kiến thức cơ bản về CNTT và DHQM		Kỹ năng làm việc trên môi trường CNTT và DHQM		Năm vững qui trình tổ chức DHQM	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
Mean	3,94	3,86	4,35	4,12	4,38	4,20	4,32	4,14
Std. Deviation	,886	,911	,691	,749	,779	,714	,912	,864

Về những khó khăn trong việc tổ chức DHQM trên 50% GV và CBQL đều hoàn toàn đồng ý và đồng ý các nội dung từ 1 đến 4, riêng từ mục 5 đến 7 (xem bảng 7.) có hơn 50% CBQL và GV đánh giá ở mức hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý và phân vân, có nghĩa là ít hơn 50% đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các nội dung đó. Như vậy tất cả các nội dung đó đều có những hạn chế, khó khăn với các mức độ khác nhau, đặc biệt khó khăn nhất là:

- Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng hoặc chưa hiện đại cho việc DHQM;

- Môi trường học tập qua mạng chưa đáp ứng tốt các hoạt động tương tác giữa GV - SV;
- Người học còn yếu về phương pháp và kỹ năng học tập trên môi trường học tập qua mạng.

Bảng 7. Đánh giá về những khó khăn trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả DHQM hiện nay

TT	Các khó khăn khi DHQM	GV		CBQL	
		Mean	Mức hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý và phân vân	Mean	Mức hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý và phân vân
1	Hạ tầng công nghệ thông tin chưa hiện đại, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng	3,77	30,5%	3,41	41,2%
2	Môi trường học tập qua mạng chưa đáp ứng tốt các cho tương tác giữa GV - SV	3,72	31,3%	3,26	47,1%
3	Phương tiện học tập của SV còn thiếu thốn	3,66	37,5%	3,09	52,9%
4	Người học còn yếu về việc sử dụng phương pháp học tập trên môi trường mạng	3,70	33,6%	3,21	50%
5	Hệ thống văn bản, qui định, hướng dẫn chưa đầy đủ	3,12	59,4%	3,03	50%
6	Đội ngũ quản lý còn chưa đáp ứng về cả trình độ và kỹ năng	2,95	67,2%	2,76	64,7%
7	Đội ngũ GV chưa thành thạo về tổ chức DHQM	3,24	52,3%	2,91	58,8%

Nhận xét về học liệu trên hệ thống LMS, CBQL đánh giá các nội dung ở mức điểm trung bình khá cao 4,15 đến 4,35. Song vẫn còn có một số ít từ 11,8% đến 17,6% đánh giá các nội dung về tổ chức học liệu dạy học học trên hệ thống LMS ở mức độ yếu và trung bình (Xem bảng 8.)

Bảng 8. Cán bộ đánh giá hệ thống học liệu DHQM của GV đưa lên trên LMS

Các chỉ số	Đảm bảo đầy đủ các học phần trong chương trình	Chất lượng nội dung bài giảng đáp ứng cho người tự học	Phương pháp truyền thụ kiến thức đáp ứng cho người tự học	Khả năng truy cập đảm bảo hoạt động dạy-học
Mean	4,15	4,35	4,26	4,15
Std. Deviation	,744	,691	,751	,744
Mức yếu và trung bình	14,7%	11,8%	17,6%	14,7%

Về năng lực tổ chức và sử dụng hệ thống tài nguyên trên hệ thống LMS của cơ sở được GV đánh giá ở mức điểm trung bình là khá cho tất cả các nội dung, trong đó việc sử dụng bài giảng video và ngân hàng các nội dung và tình huống thảo luận ở mức hơi thấp so với các nội dung khác với điểm trung bình là 3,84 và 3,81. Mặc dù vậy vẫn có từ 14,85 % đến 28,9% GV đánh giá ở mức chưa sử dụng và phân vân cho các mức độ (xem bảng 9.).

Bảng 9. Năng lực tổ chức triển khai và sử dụng hệ thống tài nguyên trên LMS

Các chỉ số	Bài giảng video	Bài giảng đa phương tiện	Giáo trình điện tử	Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm	Ngân hàng các chủ thảo luận	Tài liệu hướng dẫn tự học
Mean	3,84	4,02	4,09	4,04	3,81	4,17
Std. Deviation	1,046	,988	,842	,908	1,002	,861
Mức chưa sử dụng và phân vân	24,2%	20,3%	14,85	21,1%	28,9%	14,8%

Hệ thống tài nguyên trên LMS được GV đánh giá với điểm trung bình từ 3,95 đến 4,02 ở mức khá, trong đó còn có từ 18,8% đến 26,6% đánh giá ở mức kém, yếu, trung bình (xem bảng 10.). Như vậy nguồn tài nguyên và chất lượng còn chưa thực sự tốt, chưa đa dạng.

Bảng 10. Đánh giá về hệ thống tài nguyên trên LMS cho hoạt động học tập của sinh viên

Các chỉ số	Nguồn tài nguyên đa dạng	Chất lượng nội dung	Đường dẫn tài liệu tham khảo trên hệ thống mạng
Mean	3,95	3,97	4,02
Std. Deviation	,777	,742	,742
Mức kém, yếu, trung bình	26,6%	24,2%	18,8%

Đánh giá nội dung nhà trường đã tập huấn cho GV để tổ chức DHQM đại đa số GV cho ý kiến là đồng ý và hoàn toàn đồng ý, song còn có một số ít GV hoàn toàn không đồng ý hoặc không đồng ý hoặc phân vân, với tỉ lệ của nhóm ý kiến này dao động từ 11,7% đến 34,4% tương ứng với các nội dung tổ chức tập huấn (xem bảng 11). Như vậy có thể thấy một số ít giáo viên đã không được tập huấn hoặc không biết về nội dung này.

Bảng 11. Nội dung nhà trường đã tổ chức tập huấn dạy học qua mạng cho GV

Các chỉ số	Cách thức sử dụng hệ thống LMS	Phương pháp xây dựng hệ thống học liệu số cho LMS	Phương pháp xây dựng ngân hàng câu hỏi	Các chủ đề thảo luận/ Case study	Cách thức và yêu cầu khi giảng dạy tại lớp học đồng bộ
Mean	4,16	4,09	3,95	3,67	3,77
Std. Deviation	,696	,764	,890	,879	,918
Mức hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý và phân vân	11,7%	14,8%	23,4%	34,4%	31,3%

Khả năng đáp ứng của đội ngũ GV đối với yêu cầu về DHQM của nhà trường với điểm trung bình tự đánh giá ở mức khá cao, trong đó đại đa số GV từ 87,5% đến 89,1% đánh giá ở mức khá và tốt cho các nội dung (xem bảng 12.), tỉ lệ còn lại chỉ đánh giá ở mức trung bình.

Bảng 12. Đánh giá về đội ngũ giảng viên DHQM đối với mong muốn của nhà trường

Các chỉ số	Hiểu biết cơ bản về CNTT và Internet	Phương pháp và kỹ năng dạy học trực tuyến	Sự nhiệt tình, tâm huyết với dạy học trực tuyến	Khả năng thích ứng với công nghệ mới
Mean	4,23	4,23	4,34	4,28
Std. Deviation	,715	,643	,669	,663
Mức khá và tốt	87,5%	88,3%	89,1%	88,3%

Kết quả nghiên cứu cho thấy các mức độ đáp ứng của năng lực tổ chức như hạ tầng công nghệ DHQM, hệ thống học liệu, đội ngũ giảng viên và quá trình tổ chức dạy học ở mức độ khá. Tuy nhiên, xem xét mức độ đáp ứng của từng nội dung cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê, song còn có một số năng lực thành phần được đánh giá ở mức yếu và trung bình với tỉ lệ cao cần phải hoàn thiện hơn để đảm bảo việc tổ chức DHQM đạt chất lượng và hiệu quả như sau:

- Tổ chức hạ tầng công nghệ thông tin cho DHQM chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng hoặc chưa hiện đại, một số cơ sở giáo dục đại học chưa có hệ thống LMS.
- Tổ chức bổ sung đội ngũ nhân viên trợ giúp DHQM về số lượng còn hạn chế.
- Tổ chức tập huấn cho giảng viên về các kỹ thuật và phương pháp dạy học qua mạng chưa được chú trọng.
- Tổ chức cơ sở hạ tầng hệ thống tài nguyên DHQM trên LMS còn hạn chế,
- Hệ thống văn bản, qui định, hướng dẫn chưa đầy đủ.

4.2. Năng lực quản lý dạy học qua mạng của các cơ sở giáo dục đại học

Năng lực quản lý hạ tầng công nghệ DHQM của cơ sở giáo dục đại học có tỉ lệ đánh giá mức yếu và trung bình tương đối cao đối với GV từ 29,6% đến 34,4% , đối với CBQL từ 17,6% đến 29,6% cho các nội dung tương ứng (xem bảng 13.). Mặc dù tỉ lệ đánh giá cho mức độ này giữa nhóm GV và nhóm CBQL có sự khác biệt, tỉ lệ của nhóm CBQL luôn thấp hơn nhóm GV cho tất cả các nội dung quản lý nhưng tỉ lệ đánh giá mức yếu và trung bình tương đối cao. Như vậy có thể khẳng định là các năng lực quản lý về cơ sở hạ tầng chưa được tốt.

Bảng 13. Đánh giá mức độ thực hiện quản lý hạ tầng công nghệ DHQM

Các chỉ số	Lập kế hoạch xây dựng, phát triển và vận hành hạ tầng công nghệ DHQM đáp ứng yêu cầu		Tổ chức triển khai xây dựng, phát triển và vận hành hạ tầng công nghệ DHQM đảm bảo yêu cầu		Chỉ đạo, giám sát hoạt động xây dựng, phát triển và vận hành		Đánh giá hiệu quả xây dựng, phát triển và vận hành	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
Mean	4,03	3,84	4,18	3,87	4,12	3,77	3,97	3,82
Std. Deviation	,758	,740	,797	,767	,844	,755	,758	,798
Mức yếu và trung bình	29,6%	32%	17,6%	30,5%	17,6%	34,4%	23,5%	31,3%

Mức độ thực hiện quản lý hệ thống tài nguyên phục vụ dạy và học qua mạng của nhà trường có tỉ lệ đánh giá mức yếu và trung bình tương đối cao đối với GV từ 30,7 % đến 32%, đối với CBQL từ 11,8% đến 20,6% cho các nội dung tương ứng (xem bảng 14.). Tương tự như năng lực quản lý cơ sở hạ tầng DHQM, tỉ lệ đánh giá cho mức độ này giữa nhóm GV và nhóm CBQL có sự khác biệt, tỉ lệ của nhóm CBQL luôn thấp hơn nhóm GV cho tất cả các nội dung quản lý song đều có tỉ lệ đánh giá mức yếu và trung bình khá cao. Như vậy có thể nhận thấy các năng lực quản lý về hệ thống tài nguyên của các cơ sở giáo dục đại học chưa tốt, cần phải được cải thiện.

Bảng 14. Đánh giá mức độ thực hiện quản lý hệ thống tài nguyên phục vụ dạy học qua mạng

	Lập kế hoạch biên soạn, cập nhật, phát triển và sử dụng		Triển khai biên soạn, cập nhật, phát triển và sử dụng		Chỉ đạo hoạt động biên soạn, cập nhật, phát triển và sử dụng		Kiểm tra, giám sát hoạt động biên soạn, phát triển và sử dụng	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
Mean	4,09	3,86	4,24	3,88	3,97	3,80	4,03	3,85
Std. Deviation	,753	,771	,741	,774	,797	,814	,758	,785
Mức yếu và trung bình	17,6%	32,8%	11,8%	30,5%	20,6%	36,7%	20,6%	34,4%

Mức độ thực hiện quản lý đội ngũ GV DHQM, được CBQL đánh giá các hoạt động ở điểm trung bình tương đối cao từ 4,03 đến 4,39 cho các nội dung. Riêng về tổ chức đánh giá năng lực DHQM của GV được đánh giá ở mức độ yếu và trung bình tương đối cao với 20,8 % (xem bảng 15.).

Bảng 15. Cán bộ quản lý đánh giá việc quản lý đội ngũ GV DHQM

Các chỉ số	Lập kế hoạch tập huấn đội ngũ GV phù hợp với nhu cầu DHQM	Chỉ đạo công tác tập huấn đội ngũ GV phù hợp với nhu cầu DHQM	Tổ chức tập huấn đội ngũ GV phù hợp với nhu cầu DHQM	Tổ chức đánh giá năng lực DHQM của GV
Mean	4,21	4,29	4,18	4,03
Std. Deviation	,687	,676	,673	,758
Mức yếu và trung bình	8,8%	11,8%	14,7%	20,8

Về việc nhà trường ban hành các văn bản, qui trình về tổ chức và quản lý DHQM có nhiều ý kiến khác nhau, trong đó gần như thống nhất có khoảng 50% CBQL và GV cho rằng có qui định đầy đủ, khoảng 45% cho rằng có qui định nhưng chưa đầy đủ và khoảng 6% cho rằng không có qui định chính thức. Như vậy có thể là có một số cơ sở giáo dục đại học không qui định hoặc có nhưng chưa đầy đủ (xem bảng 16).

Bảng 16. Mức độ nhà trường ban hành hệ thống các văn bản quản lý liên quan đến tổ chức DHQM

TT	Các văn bản qui định về DHQM	Phần trăm (%)	
		CBQL	GV
1	Không có qui định chính thức	5,9	6,3
2	Có qui định, qui trình nhưng chưa đầy đủ	44,1	46,1
3	Có đầy đủ qui định, qui trình và biểu mẫu thống nhất	50,0	47,7
Tổng		100,0	100,0

Về việc nhà trường thực hiện quản lý hệ thống các văn bản, qui trình về tổ chức và hoạt động dạy học qua mạng CBQL và GV đều có ý kiến gần tương đồng với nhau. GV cho rằng điểm trung trung bình của các nội dung dao động từ 3,80 đến 3,88 và CBQL từ 3,94 đến 4,09. Như vậy về nội dung thực hiện quản lý hệ thống các văn bản và qui trình tổ chức hoạt động DHQM của nhà trường được đánh giá tương đối tốt. Về việc lên kế hoạch định kỳ/ cập nhật hệ thống các văn bản qui định tổ chức và hoạt động DHQM đề được GV và CBQL đánh giá ở mức trung bình và yếu tương đối cao là từ 27,3% đến 30,6% và từ 11,8% đến 20,6%. CBQL đánh giá thực hiện quản lý hệ thống các văn bản và qui định tổ chức hoạt động DHQM tốt hơn GV đánh giá (xem bảng 17.).

Bảng 17. Đánh giá mức độ quản lý hệ thống các văn bản liên quan đến việc tổ chức DHQM

Các chỉ số	Lên kế hoạch định kỳ xây dựng mới/ cập nhật hệ thống các văn bản		Triển khai xây dựng mới/ cập nhật hệ thống các văn bản, qui định		Chỉ đạo công tác xây dựng, cập nhật hệ thống các văn bản,		Đánh giá hiệu lực, hiệu quả hệ thống các văn bản qui định	
	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV	CBQL	GV
Mean	3,94	3,86	4,09	3,88	4,06	3,80	4,03	3,85
Std. Deviation	,851	,771	,830	,774	,776	,814	,797	,785
Mức yếu và trung bình	20,6%	31,3%	11,8%	33,6%	14,7%	27,3%	17,6	30,5%

Về sự thực hiện hoạt động quản lý quá trình DHQM của nhà trường, tỉ lệ GV đánh giá ở mức yếu và trung bình tương đối cao từ 23,4% đến 28,9%, chứng tỏ các hoạt động quản lý quá trình này còn chưa thực sự tốt, đặc biệt hoạt động chỉ đạo hoạt động DHQM đảm bảo chất lượng và hoạt động giám sát quá trình và đánh giá hiệu quả các hoạt động DHQM của GV (xem bảng 18.).

Bảng 18. Giáo viên đánh giá mức độ thực hiện quản lý hoạt động DHQM của nhà trường

Các chỉ số	Kế hoạch thiết lập hệ thống LMS cho các môn học/học phần đầy đủ đáp ứng kế hoạch đào tạo	Tổ chức hệ thống LMS cho GV thiết lập giảng dạy môn học/học phần của mình đầy đủ đáp ứng kế hoạch đào tạo	Chỉ đạo hoạt động DHQM	Giám sát và đánh giá hiệu quả các hoạt động DHQM của GV
Mean	4,02	4,04	4,01	3,94
Std. Deviation	,721	,747	,748	,740
Mức yếu và trung bình	23,4%	24,2%	27,3%	28,9%

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy các năng lực quản lý về nội dung hoạch định kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện DHQM đều ở ở mức độ khá, tương tự

như năng lực tổ chức còn có một số năng lực thành phần được đánh giá ở mức yếu và trung bình với tỉ lệ cao, đặc biệt như năng lực thực hiện quản lý hạ tầng công nghệ DHQM, năng lực thực hiện quản lý các hoạt động DHQM, năng lực quản lý hệ thống các văn bản, qui định về tổ chức và hoạt động DHQM.

5. Kết luận và khuyến nghị

Trước sự phát triển của công nghệ thông tin và công nghệ dạy học và giải pháp tình thế trước đại dịch COVID-19, trong thời gian qua các cơ sở giáo dục đại học đã bước đầu có sự đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin, tổ chức nhân lực cho việc DHQM và đã có những thành tựu nhất định đáp ứng nhu cầu đào tạo. Từ kết quả phân tích trên có thể khẳng định như sau:

- Tổ chức hạ tầng công nghệ thông tin cho DHQM và hệ thống tài nguyên của các cơ sở giáo dục đại học phần nào đã đáp ứng cho DHQM của cơ sở, song chưa hiện đại, chưa phong phú.
- Công tác tập huấn cho giảng viên về các kỹ thuật và phương pháp dạy học qua mạng chưa được chú trọng.
- Hệ thống văn bản, qui định, hướng dẫn chưa đầy đủ, còn nhiều trường chưa có qui chế DHQM.

Về năng lực quản lý của cơ sở tương tự như năng lực tổ chức DHQM, phần lớn được đánh giá ở mức khá và tốt về lập kế hoạch, triển khai, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá việc xây dựng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, học liệu, đội ngũ giảng viên và đội ngũ nhân lực hỗ trợ DHQM, song nhiều năng lực thành phần còn có tỉ lệ lớn đánh giá ở mức yếu và trung bình.

Để nâng cao năng lực tổ chức và quản lý DHQM của cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu của DHQM, các cơ sở giáo dục đại học cần thiết lập các đơn vị chức năng chuyên trách và đội ngũ nhân sự tương ứng với các nội dung tổ chức cho DHQM phù hợp, để từ đó đánh giá năng lực thực hiện các chức năng quản lý và có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng.

Lời cảm ơn

Công trình này thuộc dự án CT 2022.06.SPK.03 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tài trợ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì


Xung đột lợi ích

Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích trong bài báo này.


TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] U. Dittler, Lernplattformen und Lern-Portale, Lernen im Web. In: U. Dittler, E-Learning. Einsatzkonzepte und Erfolgsfaktoren des Lernens mit interaktiven Medien, München: Wissenschaftsverlag, 2002.
- [2] T. L. T. Tran, Management of online training at Vietnamese universities today, Ph.D. dissertation, (in Vietnamese), *Vietnam Academy of Social Sciences*, 2019.
- [3] T. T. T. Nguyen, Some factors affecting online teaching of high school teachers in Hanoi: Current status and solutions, (in Vietnamese), *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 2022.
- [4] T. B. L. Phan, T. K. O. Nguyen, Some online education models in the world, (in Vietnamese), Ha Noi: *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 2020.
- [5] H. Phe, Vietnamese Dictionary, (in Vietnamese), Published by Hong Duc, 2019.
- [6] N. H. Ta, Discussing organizational capacity in the Home Affairs sector, (in Vietnamese), [Online]. Available: <https://tcnn.vn/news/detail/40266/Ban-ve-nang-luc-to-chuc-thuoc-nganh-Noi-vu.,> 2017.
- [7] D. Urlich and D. Lake, Organizational Capability: Creating Competitive Advantage, Academy of Management, 1991.
- [8] K. Bleicher, Organization: Strategies - Structures - Cultures, (in German), Published by Gabler, 2012.
- [9] V. K. Phan, Textbook of state management of education, (in Vietnamese), Published by National University, Hanoi, 2007.
- [10] Ministry of Education and Training, Circular No. 12/2016/TT-BGDĐT dated April 22, 2016 on Regulations on application of information technology in management and organization of online training in higher education institutions, (in Vietnamese), 2016.
- [11] W. Staehle, Textbook management. 7th edition, (in German), München, 2004.




Nguyen Nhu Khuong, born in 1982, Binh Duong province, Vietnam. Received B.A. degree in Psychology and Pedagogy from Ho Chi Minh City University of Pedagogy, Ho Chi Minh City, Vietnam, in 2004 and a Master's degree in Education from Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Ho Chi Minh City, Vietnam, 2010. Published book: State Administration Management and administration of education and training, Vietnam National University. Ho Chi Minh City, 2014; 80 questions on state management of education and training, Vietnam National University. Ho Chi Minh City, 2015. Interested in researching educational fields such as: teaching and learning methods, university teaching assistants. From 2004 to present, he is a lecturer at the Institute of Technical Education, Ho Chi Minh City University of Technology and Education.: khuongnn@hcmute.edu.vn. ORCID:  <https://orcid.org/0009-0004-4421-4470>



Nguyen Thanh Thuy, born in 1984, Thai Binh province. Bachelor of Psychology and Pedagogy from Ho Chi Minh City University of Social Sciences and Humanities in 2006. Master's degree in Psychology from Ho Chi Minh City University of Pedagogy in 2013. PHD student of Education at the University of Technology and Education in Ho Chi Minh City in 2023. Majoring in Science and Education, published works focus on skills training and developing teaching methods at the university level. Since 2006, teaching and researching vocational education at Ho Chi Minh City University of Technology and Education. Email: thuylt@hcmute.edu.vn. ORCID:  <https://orcid.org/0009-0008-8733-1342>



Nguyen Van Tuan, born in 1964, Quang Binh province. From 1986 to 1991, he studied at TU Chemnitz University - Federal Republic of Germany, majoring in Educational Engineering, formal training system. From 1993 - 1995, studied for a master's degree in education at Ho Chi Minh City University of Technical Education. From 1996 to 1998, studied for a master's degree in vocational pedagogy and adult education at TU Dresden, Federal Republic of Germany. From 2002 - 2005 PHD student at Karlsruhe University - Federal Republic of Germany, major: Theory of vocational and technical teaching methods. Since 1991, teaching and researching vocational education at Ho Chi Minh City University of Technology and Education. Research fields: Technical and vocational pedagogy, digital pedagogy, adult pedagogy, capacity development teaching, technology teaching methods. Email: tuannv@hcmute.edu.vn. ORCID:  <https://orcid.org/0009-0009-0256-1825>